

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200580975,
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại: 031.3836379
- Số fax: 031.3836151
- Website: www.vimadeco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): VMS

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty được thành lập ngày 30/10/1992 với tên gọi Tổng Công ty Phát triển hàng hải theo quyết định số 2444/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

- Quyết định số 1195/QĐ/TCCB-LĐ ngày 16/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Phát triển hàng hải.

- Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Phát triển hàng hải, đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng

- Ngày 01/6/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.

- Ngày 11/2/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.

- Ngày 20/10/2015 Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:
- + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Cho thuê kho, bãi

- + Đại lý và cho thuê container, rơ moóc
- + Sửa chữa vỏ container;
- + Dịch vụ logistics; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan; Dịch vụ vận tải đa phương thức

- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

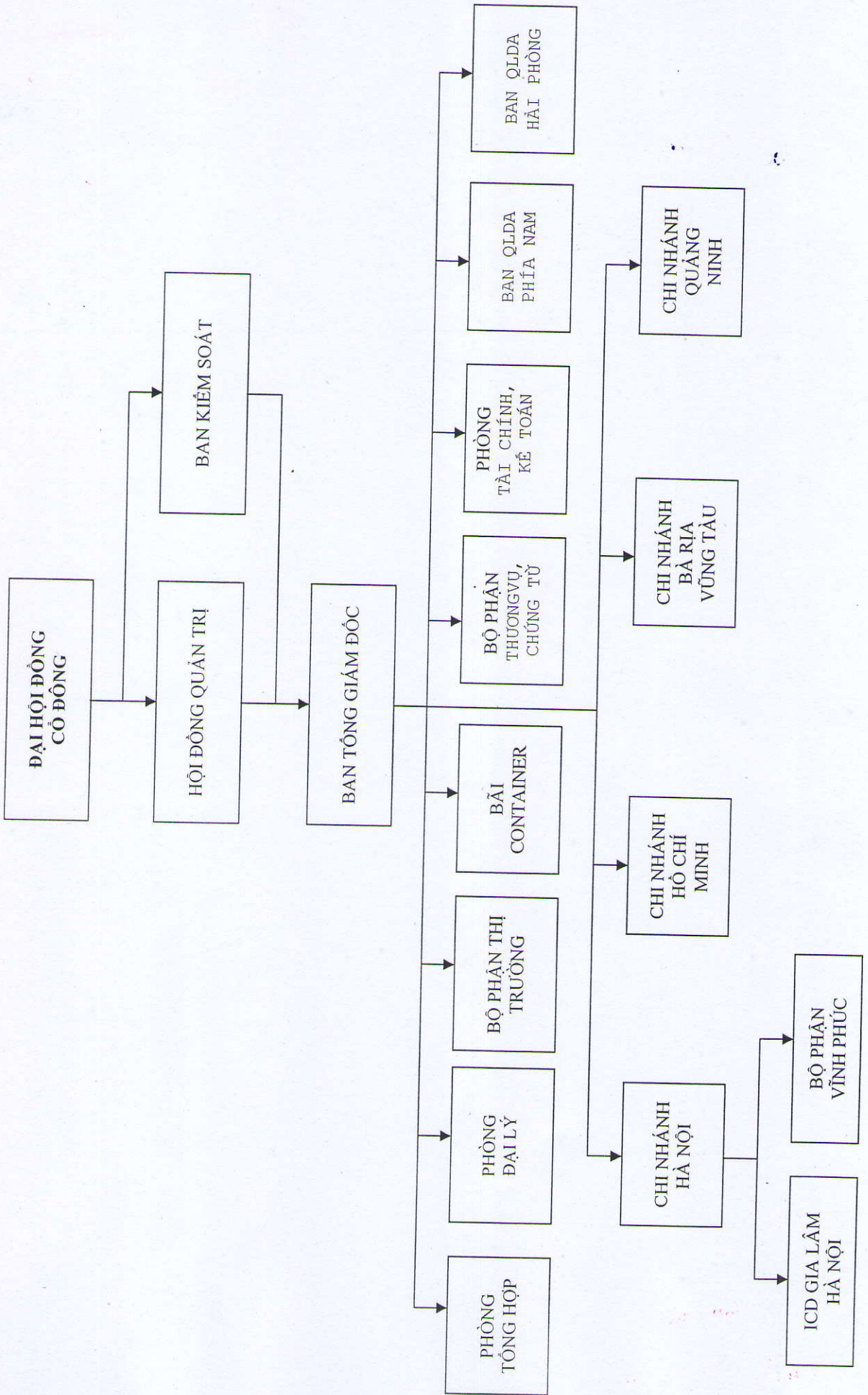
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

Sơ đồ tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



5. Các công ty con, công ty liên kết:

a/ Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Hải Âu:

Địa chỉ: tầng 7, tòa nhà Lê Phạm, số Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng

Loại hình Công ty: Công ty cổ phần

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ: 22.400.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại Công ty liên kết: 24,01% vốn điều lệ (5.400.000.000 đồng)

6. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, bám sát chiến lược phát triển tổng thể Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2016-2020, nắm bắt các cơ hội khi Việt Nam thực hiện các hiệp định thương mại; tăng cường phối kết hợp với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và các doanh nghiệp cùng kinh doanh dịch vụ dưới sự chỉ đạo, điều tiết chung của Công ty Mẹ, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để phát huy thế mạnh của từng doanh nghiệp trong dịch vụ chuỗi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tập trung, chuyển đổi và phân bổ lại nguồn lực để đầu tư CSHT, trang thiết bị, con người nhằm duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính như: kinh doanh khai thác kho bãi container, đại lý cho thuê và cho thuê container, giao nhận vận chuyển, đại lý và vận tải hàng hóa, cung cấp nhiên liệu, hình thành chuỗi dịch vụ logistics, hình thành các dịch vụ gia tăng từ các hoạt động kinh doanh chính; từng bước nâng cao vị thế và quy mô Công ty qua việc tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp phù hợp với nguồn lực và điều kiện của Công ty, đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn nhằm thực hiện mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần Phát triển hàng hải giai đoạn 2016-2020.

+ Đảm bảo và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cho hoạt động SXKD của Công ty, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho người lao động.

Xây dựng đội ngũ cán bộ làm thị trường chuyên nghiệp, bài bản, có trình độ ngoại ngữ, đáp ứng được yêu cầu thị trường trong giai đoạn.

+ Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty hình thành chuỗi cung ứng logistics dưới sự chỉ đạo, điều tiết chung của Tổng công ty để phát huy lợi thế của từng doanh nghiệp.

+ Nâng cấp hạ tầng thông tin và bộ nhận dạng thương hiệu, nỗ lực cải tiến công nghệ ứng dụng cho hoạt động SXKD và quản lý.

7. Các rủi ro:

* Nguyên nhân khách quan:

+ Việc Việt Nam ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu mở ra cơ hội đối với

các doanh nghiệp hoạt động logistics nói chung và Công ty nói riêng, tình hình kinh tế xã hội quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

+ Hoạt động kinh doanh tại phía Bắc của Công ty bị ảnh hưởng bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu, chịu ảnh hưởng từ chính sách về quy hoạch khai thác cảng biển của địa phương.

+ Là đơn vị kinh doanh dịch vụ, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng do biến động của giá nhiên liệu. Trên thực tế, giá xăng dầu trong nước phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới. Khi giá dầu thế giới và trong nước giảm, Công ty phải thực hiện giảm giá dịch vụ vận chuyển cho các khách hàng, tuy nhiên việc giảm giá nhiên liệu chưa có tác động đáng kể tới việc tiết kiệm chi phí kinh doanh cho Công ty, mặt khác khi giá dầu hồi phục Công ty không thể tăng giá dịch vụ để bù đắp chi phí do cạnh tranh và tình hình thị trường.

+ Xuất hiện tình trạng cung vượt cầu đối với các dịch vụ kho, bãi, vận chuyển đường bộ ... trong điều kiện chi phí đầu tư tạo CSHT và trang thiết bị luôn ở mức cao.

+ Sự suy giảm chung của thị trường do các doanh nghiệp mở rộng ngành nghề, tự cung tự cấp và tạo thêm chuỗi dịch vụ gia tăng.

+ Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines (Vinalineshipyard). Công ty đã góp vốn 33.594.424.002 đồng. Với thực trạng kinh doanh của Vinalineshipyard từ khi thành lập đến nay, hàng năm Công ty đều phải trích lập dự phòng cho kết quả lỗ kinh doanh của Vinalineshipyard, ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty. Riêng trong năm 2016 Công ty phải trích lập 19.145.585.689 đồng dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Vinalineshipyard vào kết quả SXKD của Công ty.

* Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác hoạch định chiến lược và định hướng phát triển cho Công ty còn hạn chế; việc triển khai thực hiện các quyết định của Công ty còn chậm.

+ Hạn chế về năng lực nhân sự và chuyên môn; công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chưa có tính đột phá, trình độ ngoại ngữ của CBNV còn yếu.

+ Hạn chế trong công tác tìm kiếm, phát triển các dịch vụ mới, phản ứng với sự thay đổi của thị trường còn chậm.

+ Việc kịp thời đầu tư, mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng tại khu vực phía Nam, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định và phát triển các dịch vụ tại khu vực này tạo yếu tố tích cực cho SXKD của Công ty.

+ Là một đơn vị có quy mô và vốn điều lệ nhỏ, năng lực tài chính hạn chế dẫn đến thiếu quyết liệt và mạnh dạn trong đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh không đồng bộ ảnh hưởng đến khả năng

cạnh tranh trên thị trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

* Công ty bước vào thực hiện kế hoạch năm 2016 trong bối cảnh khó khăn, thách thức và cơ hội đan xen, nhìn chung tình hình kinh tế thế giới và trong nước không đạt các chỉ tiêu dự báo.

Diễn biến thị trường trong nước năm 2016 còn nhiều khó khăn và thách thức cho khối doanh nghiệp dịch vụ cũng như Công ty; các dịch vụ cốt lõi của Công ty là kinh doanh khai thác kho, bãi và ICD, đại lý, leasing container, giao nhận vận chuyển, cung cấp nhiên liệu nhìn chung đều suy giảm, thậm chí tại một số khu vực còn giảm rất sâu so với cùng kỳ năm trước, đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, bị cạnh tranh quyết liệt trên thị trường, dẫn đến hiệu quả hoạt động chung giảm sút rõ rệt so với cùng kỳ năm trước, không đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2016 giao.

* Đánh giá kết quả thực hiện năm 2016 theo hoạt động dịch vụ, có một số điểm chính như sau:

- Hoạt động khai thác kho bãi:

+ Tại khu vực Hải Phòng từ đầu tháng 3/2016, một trong ba khách hàng lớn nhất tại Hải Phòng là Hãng tàu H-A đã di chuyển xuống cảng Tân Vũ, liên doanh với cảng để tổ chức khai thác container của hãng tàu, dùng sử dụng depot của Công ty; đồng thời Công ty mất 50% sản lượng từ HJS (hãng tàu chiếm sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cao nhất) do thay đổi mô hình hoạt động, từ 01/9/2016 HJS đã chính thức xin phá sản không còn sử dụng dịch vụ của Công ty; một số dịch vụ còn giữ được Công ty phải chấp nhận giảm sâu giá (60% so với năm 2015) do sự cạnh tranh quyết liệt giữa các cảng biển và kho bãi.

Để duy trì hoạt động kinh doanh, Công ty ngoài việc tiếp cận và đeo bám một số hãng tàu nước ngoài, đã tập trung vào các hãng tàu nội địa, tuy nhiên để thuyết phục được các hãng tàu sử dụng dịch vụ cần thêm nhiều thời gian, công sức và cơ hội trong bối cảnh xuất hiện tình trạng cung vượt cầu trong kinh doanh kho bãi tại khu vực.

+ Tại khu vực TP. Hồ Chí Minh hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định về doanh thu và có sự tăng trưởng về lợi nhuận, tính đồng đều về dịch vụ do kịp thời đầu tư, mở rộng hệ thống kho bãi mới cũng như hợp tác kinh doanh, đáp ứng tốt nhu cầu tăng cao về sản lượng mảng leasing.

+ Hoạt động của ICD tại Chi nhánh Hà Nội về cơ bản còn gặp nhiều khó khăn thách thức hơn cùng kỳ năm trước nguyên nhân chủ yếu là do bị cạnh tranh quyết liệt từ các ICD lớn, được đầu tư bài bản như ICD Tiên Sơn. Về lâu dài ICD Gia Lâm bắt buộc phải chuyển đổi công năng do không phù hợp với quy hoạch của TP. Hà Nội do đó các hoạt động tại ICD Gia Lâm hiện nay chỉ mang tính ngắn hạn, khó có sự đột biến trong điều kiện giá thuê đất cao.

Nhìn chung hoạt động khai thác kho, bãi của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do bị mất khách

hàng, sức cạnh tranh về dịch vụ trên thị trường trong điều kiện hiện nay đã bộc lộ sự hạn chế về vị trí, về chất lượng kho bãi, do tình trạng cung vượt cầu và chậm trễ trong quá trình đầu tư mới vì vậy doanh thu và lợi nhuận năm 2016 giảm so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động logistics:

+ Dịch vụ giao nhận và đại lý leasing container tại Chi nhánh HCM tiếp tục ổn định và tăng trưởng, chi phí thấp, là một trong hai dịch vụ mang lại lợi nhuận lớn nhất cho Chi nhánh.

Dịch vụ này tại khu vực Hải Phòng có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, các dịch vụ gia tăng có sự cải thiện rõ rệt về chất lượng phục vụ, chi phí thấp, doanh thu tuy không cao nhưng lợi nhuận tốt góp phần giảm bớt khó khăn cho khu vực Hải Phòng.

+ Dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng rời của Chi nhánh BRVT tiếp tục có sự tăng trưởng nhờ giữ được các khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới. Doanh thu của dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng rời năm 2016 tăng 20% so với thực hiện cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên do đặc thù dịch vụ, Công ty chưa đầu tư phương tiện nên phải thuê ngoài đã ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác.

+ Dịch vụ giao nhận vận chuyển cho TMV của Chi nhánh HN dù phải giảm giá dịch vụ rất sâu so với năm 2015 qua 2 đợt giảm giá ngày 01/4/2016 và 01/10/2016 nhưng vẫn có sự tăng trưởng do sản lượng tăng. Doanh thu từ dịch vụ giao nhận vận chuyển đối với TMV năm 2016 tăng 25% so với thực hiện cùng kỳ năm 2015.

Nhìn chung hoạt động logistics của Công ty có sự tăng trưởng nhờ nắm giữ các khách hàng truyền thống, thị trường hàng rời tiếp tục được mở rộng, tạo được uy tín với các khách hàng; doanh thu hoạt động logistics năm 2016 tăng so với cùng kỳ năm 2015.

- Hoạt động đội xe container:

Thị trường vận tải bộ tiếp tục suy giảm mạnh trong năm 2016 về nguồn hàng cũng như giá cước, năng lực cạnh tranh hạn chế do đội xe đa số là các xe cũ đã khai thác lâu năm, phải sửa chữa nhiều; bên cạnh đó kế hoạch đầu tư xe mới chưa thực hiện được một phần do suy giảm của thị trường, mặt khác thủ tục đầu tư mất nhiều thời gian.

Doanh thu vận tải của đội xe Công ty năm 2016 giảm sâu so với thực hiện năm 2015.

- Hoạt động khác bao gồm cung cấp nhiên liệu và hoạt động tài chính:

+ Hoạt động cung cấp nhiên liệu tại HP gặp nhiều khó khăn, mất khách hàng, hiệu quả thấp do sự biến động thất thường của giá nhiên liệu và thiếu yếu tố linh hoạt so với thị trường. Một số khách hàng truyền thống trong cùng Tổng công ty tự cung cấp nhiên liệu hoặc cắt giảm sản lượng dẫn đến doanh thu hoạt động này của Công ty năm 2016 giảm sâu đến 50% so với thực hiện năm 2015. Tại Chi nhánh BRVT do năng động và linh hoạt, hoạt động này vẫn giữ được ổn định và có sự tăng trưởng về sản lượng so với cùng kỳ năm trước, chiếm trên 50% lợi nhuận của Chi nhánh.

+ Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác năm 2016 giảm sâu so với cùng kỳ năm 2015 do nguồn cho vay và lãi suất tiền gửi giảm.

* Bên cạnh đó các chi phí trực tiếp năm 2016 tăng so với cùng kỳ do các chi phí đầu vào tiếp tục có sự biến động theo chiều hướng tăng như chi phí nguyên nhiên liệu, điện nước, chi phí thuê kho bãi; đồng thời chi phí quản lý cũng tăng so với cùng kỳ năm trước như khảo sát thị trường, công tác phí, đi lại, kiểm toán, tiếp khách; phát sinh chi phí thù lao HĐQT, BKS so với các năm trước.

* Từ tháng 7/2016, Công ty bàn giao lại quyền kinh doanh khai thác Tòa nhà 163 NVT về Tổng công ty, mất đi khoản thu nhập từ tiền lương và lãi được chia, phát sinh chi phí thuê văn phòng, phải đầu tư cho văn phòng mới cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty:

- Tổng doanh thu: 239.107.000.000 đồng, đạt 97,00% KH năm, bằng 99,37% so với cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận (trước trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines): 19.563.000.000 đồng, đạt 81,51% KH năm, bằng 85,92% so với cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận trước thuế (sau trích lập dự phòng): 417.000.000 đồng.

+ Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác):

+ Ông Nguyễn Văn Dũng - Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 20/8/1966

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030665504

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 40/96 Hai Bà Trưng, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 25/1/1963

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030090579

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 38/120 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 49.500 CP (0.55%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Mai Tiên Sỹ – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 26/8/1969

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 024395033

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.550 CP (0.0172%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Đậu Anh Dũng – Kế toán trưởng Công ty

Ngày sinh: 23/01/1982

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 040082000183

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 6/44 Lê Lai Ngô Quyền Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.125 CP (0.0125%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Trưởng BKS Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động
Công ty đảm bảo đời sống và thu nhập cho CBCNV, thực hiện trả lương đúng và đủ cho người lao động. Số lao động tại thời điểm 31/12/2016 là: 205 người, thu nhập bình quân người lao động đạt 11.500.000 đồng/ người/ tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đối với đầu tư, XD CB, mua sắm trang thiết bị năm 2016:

- Do tình hình sản xuất kinh doanh tại khu vực Hải Phòng rất khó khăn, cùng với việc phải trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư vào Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines 19.145.585.689 đồng nên Công ty đã phải cắt giảm một số hạng mục đầu tư nhằm cân đối nguồn tài chính:

+ Sửa chữa lớn bãi container Chùa Vẽ: 2,3 tỷ đồng;

+ Xây dựng văn phòng bãi Chùa Vẽ: 200 triệu đồng;

+ Sửa chữa trụ sở Công ty: 500 triệu đồng;

Các hạng mục XD CB được thực hiện trong năm bao gồm sửa chữa các bãi container tại Hải Phòng và Tp.Hồ Chí Minh, sửa chữa văn phòng giao nhận bãi tại Hải Phòng.

- Công tác đầu tư mua sắm trang thiết bị chưa đạt kế hoạch do chưa đầu tư 05 xe container tại Hải Phòng, 01 xe nâng container rộng tại Tp.HCM. Trong năm chỉ thực hiện đầu tư 01 ô tô 7 chỗ ngồi và 01 xe tải nhỏ phục vụ kinh doanh xăng dầu cho Chi nhánh BRVT.

- Các dự án của Công ty chậm triển khai do các điều kiện khách quan và chủ quan, đặc biệt cần sự cân nhắc về hiệu quả đầu tư (chi phí dự án Bãi container Đông Hải rất cao, nếu đầu tư có thể

không mang lại hiệu quả kinh tế); dự án Bãi container Long Bình chậm giải ngân do hiện tượng mưa trái mùa bất thường tại Tp.HCM. Trong năm đã hoàn thành thi công nội thất văn phòng làm trụ sở Chi nhánh HCM và Chi nhánh BRVT.

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/

Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải chiếm 24,01% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu là dịch vụ hàng hải

Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Doanh thu:	48.361.186.083 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	11.370.484.232 đồng
Nộp NSNN:	2.856.962.679 đồng

Doanh thu đạt 134,33% kế hoạch, tăng 34,28% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 252,67% kế hoạch, tăng 76,61% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	252.800.171.600	242.197.662.082	(4.19)
Doanh thu thuần	234.311.070.126	234.753.937.100	0.19
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	22.227.589.866	(126.804.567)	(100.57)
Lợi nhuận khác	1.068.271.109	1.448.427.558	35.59
Lợi nhuận trước thuế	22.767.588.176	417.488.861	(98.17)
Lợi nhuận sau thuế	18.062.149.732	539.161.976	(97.02)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.92	2.97	

+ Hệ số thanh toán nhanh/ <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2.88	2.85	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.34	0.36	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.53	0.57	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	71.69	70.39	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.93	0.97	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.11	0.004	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.07	0.002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10.54	(0.0005)	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.000.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 04/7/2016):

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Cổ đông trong nước		
	Tổ chức	52,88	4.759.850
	Cá nhân	46,92	4.222.848
2	Cổ đông nước ngoài		
	Tổ chức		
	Cá nhân	0,20	17.300

3	Cổ phiếu quỹ		2
---	--------------	--	---

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v:

Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:

Không thay đổi

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty):

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	2016		Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu	240.611	246.500	239.107	97,0	99,37
Lợi nhuận trước thuế	22.767	24.000	417	17,41	18,35
Nộp NSNN	Theo quy định	Theo quy định	Theo quy định		

Nguyên nhân không đạt kế hoạch đề ra, ngoài những yếu tố khách quan không thuận lợi như khó khăn chung khối dịch vụ, suy giảm chung thị trường vận tải bộ, tình trạng cung vượt cầu về dịch vụ kho bãi, sự thay đổi về mô hình khai thác và việc phá sản của một số hãng tàu, việc hợp nhất giữa một số hãng leasing thì kết quả đạt được còn xuất phát từ một số nguyên nhân chủ quan như định hướng phát triển chưa rõ nét, lúng túng khi thị trường khó khăn, công tác thị trường còn hạn chế, sự cầu toàn trong công tác đầu tư dẫn đến chưa có quyết sách táo bạo, cách làm còn mang tính truyền thống.

Nguyên nhân khách quan, trong năm Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines là: 19.154.585.689 đồng.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ của Công ty là: 252.800.171.600 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 100.897.903.959 và tài sản dài hạn là: 151.902.267.641.

Tổng tài sản cuối kỳ của Công ty là: 242.197.662.082 trong đó tài sản ngắn hạn là:

106.258.337.330 đồng và tài sản dài hạn là: 135.939.324.752 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ giảm 4,19% so với đầu kỳ trong đó: Tài sản ngắn hạn tăng 5,31% do các khoản tiền và tương đương tiền cuối kỳ tăng và hàng tồn kho cuối kỳ tăng, tài sản dài hạn giảm 10,50% do khấu hao TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn do trong năm Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả của Công ty đầu kỳ là: 87.050.998.780 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 34.463.644.106 đồng và nợ dài hạn là: 35.809.147.017 đồng.

Nợ phải trả cuối kỳ của Công ty là: 88.253.131.243 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 35.809.147.017 đồng và nợ dài hạn là 52.443.984.226 đồng.

Nợ phải trả ngắn hạn cuối kỳ tăng nhẹ 1,38% so với đầu kỳ chủ yếu là do khoản phải trả khách hàng và phải trả ngắn hạn khác tăng trong khi các khoản phải trả người lao động và các khoản phải nộp Nhà nước giảm.

Nợ dài hạn cuối kỳ giảm nhẹ so với số đầu kỳ.

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có các khoản vay nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Kinh tế Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu sẽ vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức cho các doanh nghiệp trong nước. Nền kinh tế vĩ mô chưa thật sự ổn định ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong các năm tới.

- Tình hình căng thẳng trên Biển Đông có thể ảnh hưởng đến giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc, ảnh hưởng đến sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng.

- Khó khăn của ngành hàng hải ảnh hưởng đến hoạt động của khối dịch vụ.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh khai thác kho, bãi và ICD, đại lý, leasing container, giao nhận vận chuyển, cung cấp nhiên liệu nhìn chung tiếp tục khó khăn và thách thức còn lớn hơn năm 2016, dự báo ở thời điểm hiện tại chưa xuất hiện các yếu tố tích cực và khả quan.

+ Hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu có thể được duy trì ổn định cùng các chỉ tiêu thực hiện như năm 2016.

+ Đối với Chi nhánh Hà Nội, hoạt động có thể khó khăn hơn năm 2016 do sản lượng giao nhận vận chuyển của TMV sẽ giảm dần theo chính sách thuế quan của Nhà nước và ICD Cổ Bi đi vào hoạt động.

+ Tại khu vực Hải Phòng, ngoài các khó khăn khách quan từ thực trạng kinh doanh kho bãi hiện tại, để từng bước bù đắp phần sản lượng bị mất từ các hãng tàu H-A, Hanjin đã diễn ra trong năm 2016 và dự kiến với Kline trong năm 2017, Công ty cần có thời gian để phát triển thị trường, duy trì hoạt động kinh doanh kho bãi, phát sinh độ trễ trong đầu tư và chuyển đổi cơ cấu kinh doanh phù hợp tại khu vực.

- Việc đàm phán, ký kết hợp đồng cho năm 2017 phụ thuộc vào biến động của giá dầu thế giới trong các tháng cuối năm 2016, đồng thời qua khảo sát thị trường và định hướng của đối tác, khách hàng thì xu hướng giá dịch vụ năm 2017 có thể tiếp tục giảm phù hợp với yếu tố cạnh tranh trên thị trường khi sức cầu yếu.

- Từ những đánh giá sơ bộ trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn và thách thức, ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Công ty bước vào thực hiện kế hoạch năm 2016 trong bối cảnh khó khăn, thách thức và cơ hội đan xen; nhìn chung tình hình kinh tế, thị trường trong nước còn nhiều khó khăn và thách thức cho khối doanh nghiệp; các dịch vụ cốt lõi của Công ty là kinh doanh khai thác kho, bãi và ICD, đại lý, leasing container, giao nhận vận chuyển, cung cấp nhiên liệu nhìn chung đều suy giảm, thậm chí tại một số khu vực còn giảm sâu so với cùng kỳ năm trước, đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, bị cạnh tranh quyết liệt trên thị trường.

- Tình hình tăng trưởng kinh tế thế giới trong các tháng cuối năm 2016 không được khả quan qua việc World Bank (6/2016) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2016 xuống còn 2,4% so với mức 2,9% đưa ra hồi đầu năm 2016, tốc độ tăng trưởng chậm tại các nền kinh tế phát triển, giá hàng hóa nguyên liệu vẫn ở mức thấp, thương mại toàn cầu yếu và dòng vốn bị thuyên giảm.

- Đối với nền kinh tế Việt nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 5,93%, giảm so với cùng kỳ năm trước. Qua dự báo của Chính phủ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 đạt mức 6,3%.

- Đối với Công ty, hoạt động SXKD tại các Chi nhánh Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu nhìn chung ổn định, Chi nhánh Hà Nội và khu vực Hải Phòng gặp nhiều khó khăn hơn, đặc biệt khu vực Hải Phòng do ảnh hưởng từ vụ việc của Hanjin hoạt động kinh doanh có thể suy giảm sâu hơn và chưa tìm ra hướng tháo gỡ trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt, khó khăn của các hãng tàu cùng với tình trạng cung vượt cầu trong hoạt động kho bãi.

- Thị trường vận tải bộ tiếp tục suy giảm về giá cước và nguồn hàng.
- Giá dầu thế giới tiếp tục biến động theo xu hướng tăng giảm thất thường cùng với sự cạnh tranh dịch vụ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.
- Từ các yếu tố trên, có thể nói hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2016 đã gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng bất lợi đến kết quả thực hiện của Công ty và Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã giao.
- Công ty đảm bảo việc làm, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Luôn tạo điều kiện đầy đủ cho các đoàn thể hoạt động về thời gian và kinh phí, CBCNV trong Công ty và các Chi nhánh yên tâm công tác và phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
- Công tác môi trường, an sinh – xã hội được thực hiện tốt theo đường lối, chính sách của Nhà nước, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

- Ban điều hành luôn thống nhất và đoàn kết cao.
- Ban điều hành đã linh hoạt, chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành đã quan tâm, chỉ đạo kịp thời các Chi nhánh, tạo sự gắn kết giữa các Chi nhánh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong thời gian tới, Ban điều hành sẽ tạo sự gắn kết trong công tác phát triển thị trường giữa các Chi nhánh để tạo hiệu quả cao nhất trong hoạt động.
- Ban điều hành sẽ tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Quản trị doanh nghiệp là tiêu chí quan trọng nhất của Công ty do đó trong thời gian tới phải đẩy mạnh thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
- Công ty cần tiếp tục kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý theo hướng thật gọn nhẹ, lựa chọn nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tế để thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.
- Công ty cần chuẩn bị và tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện thành công các dự án lớn trong thời gian tới.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này):

1. Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu

cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Lê Quang Trung	Chủ tịch	0%	0
2	Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên	1,25%	1
3	Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	0%	1
4	Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên	0,55%	0
5	Đậu Công Lưu	Ủy viên	0,416%	1
6	Đỗ Hồng Trường	Ủy viên	0%	0
7	Vũ Trường Giang	Ủy viên	1,036%	0
8	Mai Tiến Sỹ	Ủy viên	0,325%	0
9	Trịnh Thị Ngọc Biên	Ủy viên	0%	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có tiểu ban thuộc HĐQT)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHCĐ.

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới.

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty có 09 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hàng quý, năm Hội đồng quản trị tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá các công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng cho kế hoạch tiếp theo.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Trong năm 2016, HĐQT Công ty đã tổ chức họp 06 cuộc họp và đã quyết định các vấn đề quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	44/QĐ-HĐQT	01/7/2016	QĐ của HĐQT về việc chấp thuận đầu tư xe tải nhỏ cho VMD BRVT
2	57/QĐ-HĐQT	28/7/2016	QĐ của HĐQT về việc thành lập lại Ban Quản lý dự án các công trình phía Nam của Công ty
3	59/2016/QĐ-HĐQT	01/8/2016	QĐ của HĐQT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu láng nhựa mặt bãi giai đoạn 3 dự án đầu tư depot Long Bình – TP HCM.
4	70/NQ-HĐQT	04/8/2016	Nghị quyết HĐQT Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016
5	87/NQ-HĐQT	17/10/2016	Nghị quyết HĐQT Công ty về việc điều chỉnh số vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines
6	168/NQ-HĐQT	02/12/2016	Nghị Quyết HĐQT về việc mua cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty Hải Âu tăng

			vốn điều lệ
7	102A/QĐ-HĐQT	02/12/2016	Quyết định của HĐQT về việc thanh lý TSCĐ
8	105/ QĐ-HĐQT	07/12/2016	Quyết định của HĐQT về việc thanh lý TSCĐ
9	180/NQ-HĐQT	09/12/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc không tham gia mua lại phần vốn của thành viên góp vốn tại VNLSY

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
Các thành viên HĐQT sau đã hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý Crestcom

- Ông Lê Quang Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên HĐQT kiêm TGD Công ty
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển - Ủy viên HĐQT Công ty

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Tạ Kim Chi	Trưởng ban	0,013%
2	Đặng Thuý Định	Ủy viên	0,5%
3	Vũ Xuân Trường	Ủy viên	0,2725%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

- Ban kiểm soát Công ty luôn giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh

Công ty. Thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty với Ban điều hành Công ty.

- Xem xét các báo cáo tài chính của Công ty; Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu đơn thư khiếu nại nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty là 1.301.189.544 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty):

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty cổ phần Phát triển hàng hải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp này trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 3 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-149-4

(Đã ký)

(Đã ký)

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Lê Việt Hùng
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		106.258.337.330	100.897.903.959
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	43.448.521.804	38.635.046.676
Tiền	111		17.348.521.804	12.285.046.676
Các khoản tương đương tiền	112		26.100.000.000	26.350.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.725.400.000	11.980.544.577
Chứng khoán kinh doanh	121	5(b)	967.760.500	2.569.907.774
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(b)	(642.360.500)	(1.046.921.530)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	8.400.000.000	10.457.558.333
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.928.804.300	47.024.594.361
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	46.502.636.921	38.777.742.161
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.652.551.600	8.785.088.052
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	3.064.949.361	2.400.319.405
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.291.333.582)	(2.938.555.257)
Hàng tồn kho	140	9	4.269.407.421	1.594.468.128
Hàng tồn kho	141		4.269.407.421	1.594.468.128
Tài sản ngắn hạn khác	150		886.203.805	1.663.250.217
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		321.354.832	1.177.345.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49.459.278	485.905.144
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	515.389.695	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		135.939.324.752	151.902.267.641
Các khoản phải thu dài hạn	210		33.863.030.708	35.061.001.718
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	31.472.266.332	32.319.981.684
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	2.390.764.376	2.741.020.034
Tài sản cố định	220		28.284.473.536	33.852.146.244
Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.284.473.536	33.852.146.244
Nguyên giá	222		117.235.150.343	118.453.060.707
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.950.676.807)	(84.600.914.463)
Tài sản dở dang dài hạn	240		49.573.783.826	41.308.958.414
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	49.573.783.826	41.308.958.414
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(c)	17.994.721.833	35.340.307.522
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		5.400.000.000	3.600.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.999.702.169)	(1.854.116.480)
Tài sản dài hạn khác	260		6.223.314.849	6.339.853.743

Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.100.717.734	6.339.853.743
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	122.597.115	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		242.197.662.082	252.800.171.600
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		88.253.131.243	87.050.998.780
Nợ ngắn hạn	310		35.809.147.017	34.463.644.106
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	22.258.858.718	17.631.406.924
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.480.475	775.906.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	2.052.054.368	4.145.698.884
Phải trả người lao động	314		2.797.939.551	5.907.542.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.751.120.107	3.457.453.472
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	726.981.816
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	4.898.693.798	1.586.775.980
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	-	231.878.182
Nợ dài hạn	330		52.443.984.226	52.587.354.674
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	52.443.984.226	52.587.354.674
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		153.944.530.839	165.749.172.820
Vốn chủ sở hữu	410	20	153.944.530.839	165.749.172.820
Vốn cổ phần	411	21	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>90.000.000.000</i>	<i>90.000.000.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	16.830.983.651	12.315.446.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.113.567.188	43.433.746.602
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>26.574.405.212</i>	<i>25.995.248.480</i>
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>539.161.976</i>	<i>17.438.498.122</i>
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		242.197.662.082	252.800.171.600

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

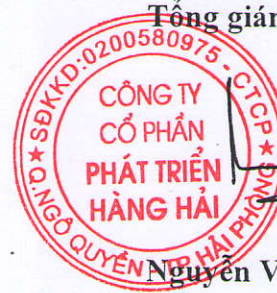
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	234.753.937.100	234.311.070.126
Giá vốn hàng bán	11	26	206.391.551.338	210.190.685.342
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		28.362.385.762	24.120.384.784
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.905.627.834	5.232.499.688
Chi phí tài chính	22	28	19.457.321.824	1.115.835.839
Chi phí bán hàng	25		198.200.724	421.978.153
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	11.739.295.615	5.587.480.614
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(126.804.567)	22.227.589.866
Thu nhập khác	31	30	1.448.427.558	1.068.271.109
Chi phí khác	32		904.134.130	528.272.799
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		544.293.428	539.998.310
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		417.488.861	22.767.588.176
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	924.000	4.705.438.444
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(122.597.115)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		539.161.976	18.062.149.732
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	58	1.770

**BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		417.488.861	22.767.588.176
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.853.739.297	5.240.149.462
Các khoản dự phòng	03		19.674.580.214	876.298.280
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(185.312.569)	(190.179.260)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.398.992.735)	(4.419.684.537)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.361.503.068	24.274.172.121
Biến động các khoản phải thu	09		(601.416.140)	(19.089.403.855)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.674.939.293)	3.037.294.387
Biến động các khoản phải trả	11		1.589.401.144	3.693.342.524
Biến động chi phí trả trước	12		1.003.605.294	(5.406.329.724)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	802.375.320
			21.678.154.073	7.311.450.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.905.920.141)	(8.878.469.889)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		203.423.322	203.670.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.979.107.861)	(3.213.733.051)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.996.549.393	(4.577.082.167)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(8.524.725.412)	(9.652.086.009)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		923.418.182	744.875.465
Gửi tiền vào tiền gửi có kỳ hạn	23		(8.400.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		10.457.558.333	(357.558.333)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(1.800.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.104.067.700	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.461.668.220	3.946.523.279
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.778.012.977)	(5.318.245.598)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(7.545.997.600)	(11.073.331.270)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.545.997.600)	(11.073.331.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.672.538.816	(20.968.659.035)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	38.635.046.676	59.592.063.490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		140.936.312	11.642.221
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	43.448.521.804	38.635.046.676

Hải Phòng, ngày 07 tháng 4 năm 2017
 Người đại diện trước pháp luật của Công ty
Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng